

VAI TRÒ CỦA GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VỚI VIỆC KHƠI DẬY KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN CHO SINH VIÊN TRONG THỜI ĐẠI SỐ HIỆN NAY

LÊ THỊ LAN
Đại học Bách khoa Hà Nội

Nhận bài ngày 04/12/2025. Sửa chữa xong 15/01/2026. Duyệt đăng 17/01/2026.

Abstract

In the context of ongoing digital transformation, political theory education at Vietnamese universities faces an urgent need for substantial innovation to help cultivate a generation of students with firm ideals, strong character, and aspirations for national development. This article examines the role of political theory teaching in inspiring students' development aspirations in today's digital era. It also proposes directions for pedagogical renewal, including the development of engaging digital learning materials, the design of practice-oriented learning activities, the expansion of online discussion forums, and the implementation of critically oriented learning projects. The findings affirm that political theory teaching is not merely a process of knowledge transmission but also a means of nurturing development aspirations in the digital age.

Keywords: Development aspirations, digital transformation, political theory teaching, teaching innovation, university students.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu, giáo dục đại học Việt Nam đang chứng kiến sự thay đổi sâu sắc cả về nội dung đào tạo, phương pháp dạy học lẫn cách thức tiếp cận tri thức. Đối với khối ngành Lý luận chính trị (LLCT), yêu cầu đổi mới càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết, khi nhiệm vụ trọng tâm của các học phần không chỉ dừng lại ở việc trang bị hệ thống tri thức nền tảng về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh hay đường lối của Đảng mà còn phải góp phần xây dựng ở sinh viên (SV) bản lĩnh, lý tưởng và khát vọng phát triển đất nước trong thời đại số. Khát vọng phát triển được hiểu là khát vọng vươn lên, cống hiến và đồng hành cùng tiến trình phát triển của đất nước, đó chính là sức mạnh nội sinh của thế hệ trẻ. Tuy nhiên, để khơi dậy và nuôi dưỡng khát vọng ấy, SV cần được tiếp cận tri thức LLCT một cách sinh động, gắn với thực tiễn, phù hợp đặc điểm tâm lý, văn hóa số và phương thức học tập của thế hệ Gen Z, nhóm người học đang trưởng thành trong không gian học tập đa nền tảng.

Từ góc độ lý luận và thực tiễn, giảng dạy LLCT nếu được triển khai theo hướng lấy người học làm trung tâm, ứng dụng công nghệ số và tích hợp các hoạt động trải nghiệm - phản biện sẽ tạo ra môi trường học tập tích cực giúp SV hình thành lý tưởng, củng cố niềm tin vào con đường phát triển đất nước, đồng thời hun đúc tinh thần trách nhiệm công dân và khát vọng cống hiến. Điều này khẳng định vai trò của các học phần LLCT không chỉ là cung cấp tri thức mà còn là quá trình giáo dục giá trị, định hướng nhân cách và xây dựng động lực phát triển cho con người Việt Nam trong kỷ nguyên số.

Trên cơ sở đó, bài viết tập trung làm rõ vai trò của giảng dạy LLCT đối với việc khơi dậy khát vọng phát triển cho SV trong điều kiện hiện nay, đồng thời đề xuất những định hướng đổi mới nhằm nâng cao chất lượng dạy - học LLCT trong các cơ sở giáo dục đại học.

Email: lan.lethi@hust.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của khát vọng phát triển đối với sinh viên trong thời đại số

Khát vọng phát triển là một phạm trù mang tính giá trị, phản ánh mong muốn vươn lên, hoàn thiện bản thân và đóng góp vào mục tiêu phát triển chung của xã hội. Dưới góc nhìn LLCT, khát vọng phát triển gắn liền với nhận thức về lý tưởng, niềm tin vào con đường mà dân tộc lựa chọn và ý thức trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng. Theo Phạm Minh Hạc (2018), *“Khát vọng là một dạng động lực tinh thần có khả năng huy động nội lực của con người, thúc đẩy họ hành động vượt qua khó khăn và hướng đến những mục tiêu có giá trị lâu dài”* [7, tr. 35-35]. Điều này cho thấy khát vọng phát triển không chỉ là trạng thái cảm xúc nhất thời mà là yếu tố định hướng hành vi và ý chí của SV. Trong tiếp cận giáo dục hiện đại, khát vọng phát triển được xem như một thành tố quan trọng của động lực nội tại. Ryan và Deci (2000) đã chỉ ra rằng: *“Động lực nội tại là yếu tố khiến người học tự nguyện, chủ động theo đuổi mục tiêu vì họ thấy mục tiêu đó có giá trị đối với bản thân và xã hội”* [9, tr. 68-71]. Khi SV có khát vọng phát triển, họ sẽ tự đặt ra mục tiêu học tập, chủ động tìm kiếm tri thức mới và sẵn sàng tham gia các hoạt động vì cộng đồng. Đây là nền tảng quan trọng của quá trình hình thành năng lực hành động xã hội - một năng lực ngày càng được đề cao trong bối cảnh chuyển đổi số.

Ở tầm xã hội, khát vọng phát triển của thế hệ trẻ còn có ý nghĩa đối với sự phát triển của đất nước. Quan điểm của Đảng cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của khát vọng trong sự nghiệp phát triển quốc gia. Trong Văn kiện Đại hội XIII đã khẳng định: *“Khát vọng Việt Nam phát triển hùng cường vào năm 2045 chỉ có thể đạt được khi phát huy được trí tuệ, khả năng sáng tạo và tinh thần cống hiến của thế hệ trẻ”* [2, tr. 109-110]. Điều này cho thấy khát vọng phát triển không chỉ mang ý nghĩa cá nhân mà còn gắn với yêu cầu tự thân của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ở bình diện tâm lý - giáo dục, SV là nhóm tuổi có đặc điểm nổi bật về sự năng động, nhạy cảm với cái mới và có xu hướng tìm kiếm ý nghĩa trong các hoạt động học tập. Theo tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2019) *“Sinh viên ở độ tuổi 18-22 thường đứng trước nhu cầu tự khẳng định bản thân, lựa chọn giá trị sống và định hướng nghề nghiệp, do đó rất dễ tiếp nhận các tác động giáo dục về lý tưởng và khát vọng”* [5, tr. 52-54]. Trong thời đại số, với sự bùng nổ thông tin, SV có cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tri thức, lựa chọn giá trị, đồng thời cũng chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố chi phối như mạng xã hội, văn hóa số, áp lực thành tích hay cạnh tranh nghề nghiệp. Vì vậy, giáo dục khát vọng phát triển trở nên quan trọng giúp SV có định hướng đúng, biết phân biệt giá trị cốt lõi với giá trị ảo, từ đó xây dựng được động lực học tập và phấn đấu bền vững.

Từ góc độ LLCT, khát vọng phát triển của SV gắn liền với thế giới quan và nhân sinh quan khoa học. Tri thức LLCT giúp SV hiểu bản chất của sự phát triển xã hội, vai trò của cá nhân trong tiến trình lịch sử và ý nghĩa của việc gắn khát vọng cá nhân với khát vọng dân tộc. Theo tác giả Trần Văn Giàu (1997), *“Bản lĩnh và lý tưởng của thanh niên chỉ được hình thành khi họ nắm được các giá trị cốt lõi của dân tộc, hiểu mục tiêu cách mạng và tin vào con đường mà dân tộc đã lựa chọn”* [8, tr. 87-89]. Chỉ khi SV có nhận thức lý luận đúng đắn, khát vọng phát triển không chỉ xuất phát từ nhu cầu cá nhân (như tìm kiếm nghề nghiệp tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống) mà còn được nâng lên thành khát vọng đóng góp và cống hiến. Bên cạnh đó, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, khát vọng phát triển còn thể hiện ở năng lực sáng tạo, khả năng thích ứng cùng tinh thần đổi mới và thế hệ trẻ ngày nay đóng vai trò trung tâm trong quá trình này. Vì vậy, nuôi dưỡng khát vọng phát triển không chỉ là khơi dậy mong muốn học tập hay cống hiến mà còn là tạo nền tảng để SV sẵn sàng đổi mới, dám nghĩ khác, làm khác và tự tin bước vào môi trường nghề nghiệp đầy biến động. Từ những vấn đề trên có thể thấy rằng, khát vọng phát triển là động lực tinh thần cốt lõi, là sức mạnh nội sinh định hướng hành động, hình thành ý chí và mục tiêu của SV trong thời đại số. Việc giáo dục khát vọng phát triển không chỉ giúp SV hoàn thiện bản thân mà còn góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Đây cũng là lý do các môn LLCT cần được nhìn nhận không chỉ như môn học cung cấp tri thức mà như môi trường giúp SV hình thành lý tưởng, giá trị và động lực phát triển bền vững.

2.1.2. Vai trò của giảng dạy Lý luận chính trị với việc khơi dậy khát vọng phát triển ở sinh viên

Trong bối cảnh chuyển đổi số, khi SV đối mặt với môi trường thông tin phong phú nhưng cũng đầy thách thức đòi hỏi khả năng chọn lọc giá trị đúng đắn, định hướng mục tiêu và phát triển động lực nội tại càng cho thấy vai trò quan trọng của giảng dạy LLCT trong việc định hướng SV. Vai trò đó được thể hiện cụ thể như sau:

a. *Định hướng lý tưởng và củng cố niềm tin cho sinh viên vào con đường phát triển đất nước:* Một trong những chức năng quan trọng nhất của giáo dục LLCT là định hướng lý tưởng và xây dựng niềm tin khoa học cho SV. Thông qua nội dung các học phần như Triết học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh hay Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, SV được cung cấp hệ thống tri thức về bản chất của xã hội, quy luật phát triển lịch sử và mục tiêu phát triển của dân tộc. Lý tưởng và niềm tin là nền tảng hình thành khát vọng phát triển, "*Việc trang bị một thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng giúp người học xác lập lý tưởng sống đúng đắn, từ đó định hướng hành động của họ theo chiều hướng tích cực*" [3, tr. 23-31]. Khi SV hiểu rõ vì sao đất nước lựa chọn con đường phát triển XHCN, họ sẽ có cơ sở để tin tưởng vào mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Việc nuôi dưỡng khát vọng phát triển Việt Nam hùng cường phải bắt đầu từ giáo dục lý tưởng và củng cố niềm tin khoa học của thế hệ trẻ. Vì vậy, thông qua giảng dạy LLCT, SV không chỉ tiếp nhận tri thức mà còn hình thành nền tảng tư tưởng để nuôi dưỡng khát vọng đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

b. *Nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội và tinh thần cống hiến ở sinh viên:* Khát vọng phát triển không chỉ bắt nguồn từ lý tưởng mà còn từ ý thức trách nhiệm của cá nhân đối với cộng đồng. Các môn LLCT, đặc biệt là Tư tưởng Hồ Chí Minh đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục tinh thần trách nhiệm, đạo đức và lòng yêu nước cho SV. Chủ tịch Hồ Chí Minh (1960) đã từng khẳng định rằng: "*Thanh niên muốn xứng đáng với vai trò của mình thì phải có lý tưởng cao đẹp, có tinh thần hy sinh và sẵn sàng cống hiến cho lợi ích của Tổ quốc*" [6, tr. 201-202]. Đây chính là thông điệp có ý nghĩa sâu sắc đối với SV trong thời đại số khi mà nhiều giá trị sống bị xáo trộn bởi tác động của mạng xã hội, chủ nghĩa cá nhân và áp lực thành công nhanh. Ngoài ra, cũng có quan điểm cho rằng, động lực nội tại của người học tăng lên khi họ nhận thức được ý nghĩa xã hội của hành động mình đang thực hiện. Điều này chứng minh rằng giảng dạy LLCT, với nội dung giàu ý nghĩa xã hội và tính nhân văn có thể giúp SV hình thành động lực mạnh mẽ hơn trong học tập và phát triển bản thân. Một SV hiểu vì sao họ cần học tập, vì sao đất nước cần phát triển và họ đóng vai trò gì trong tiến trình đó, họ sẽ có khát vọng đóng góp nhiều hơn một SV chỉ học để "đổi phó với môn học".

c. *Tạo môi trường học tập tích cực, phát huy tiềm năng và truyền cảm hứng phát triển:* Giảng dạy LLCT trong thời đại số không còn giới hạn ở hình thức thuyết trình truyền thống mà đã mở rộng sang nhiều phương thức hiện đại: thảo luận nhóm, phân tích tình huống, học theo dự án, mô phỏng thực tiễn, học liệu số, diễn đàn trực tuyến... Những đổi mới này tạo ra môi trường học tập tích cực, lôi cuốn và khuyến khích sự tham gia chủ động của SV. "*Mô hình dạy học tích cực giúp người học không chỉ tiếp nhận tri thức mà còn phát triển năng lực tư duy, khả năng tự chủ và động lực nội tại*" [1, tr. 57-59]. Khi SV được tham gia phân tích các vấn đề xã hội, tranh luận về các hiện tượng thời sự hay xây dựng dự án giải quyết vấn đề cộng đồng, họ nhận ra rằng những tri thức LLCT có thể áp dụng vào thực tiễn đời sống. Chính điều này góp phần tăng hứng thú, sự chủ động và cảm hứng sáng tạo ở SV, qua đó, khơi dậy khát vọng phát triển ở các em. Ngoài ra, môi trường học tập có tính tương tác cao giúp SV được lắng nghe, thể hiện quan điểm và chia sẻ lý tưởng cá nhân. Đây là yếu tố quan trọng trong việc nuôi dưỡng khát vọng phát triển của SV thế hệ Z - nhóm người học quen với tư duy mở, thích trải nghiệm và mong muốn khẳng định bản thân. Như vậy, từ ba khía cạnh trên có thể thấy, giảng dạy LLCT không chỉ dừng lại ở việc "dạy cái đúng" mà quan trọng hơn là truyền cảm hứng để SV muốn sống tốt, muốn phát triển và muốn cống hiến. Nói cách khác, giảng dạy LLCT có vai trò quan trọng trong việc khơi dậy động lực phát triển từ bên trong, tạo ra sự thống nhất giữa tri thức - lý tưởng và hành động, đây chính là giá trị đặc biệt của môn học trong bối cảnh thời đại số.

2.2. Những yêu cầu đổi mới để phát huy vai trò giảng dạy Lý luận chính trị trong thời đại số

2.2.1. Đổi mới nội dung giảng dạy gắn với thực tiễn

Việc đổi mới nội dung môn LLCT cần gắn kết chặt chẽ với các vấn đề thời sự, phản ánh thực tiễn sự phát triển của xã hội và nền kinh tế. Điều này giúp SV nhận thấy tính ứng dụng của kiến thức chính trị - xã hội trong bối cảnh hiện nay. Chẳng hạn, trong quá trình giảng dạy, giảng viên (GV) có thể đưa vào các ví dụ về sự phát triển của nền kinh tế số tại Việt Nam như các nền tảng thương mại điện tử, fintech, ví điện tử và các mô hình kinh doanh trực tuyến. SV được yêu cầu phân tích, đánh giá các cơ hội và thách thức từ chuyển đổi số đối với doanh nghiệp và xã hội, qua đó thấy được vai trò của chính sách trong định hướng phát triển kinh tế số. Ví dụ cụ thể như sau: “Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu 80% doanh nghiệp tham gia nền kinh tế số vào năm 2030. Hãy phân tích tác động của chính sách này đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ”. Đối với yêu cầu trên, SV cần liên hệ kiến thức trong môn Kinh tế Chính trị về quản lý kinh tế và vai trò điều tiết của Nhà nước, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong chuyển đổi số. Trên cơ sở đó, SV phân tích mối quan hệ giữa chính sách và trách nhiệm của doanh nghiệp: vừa hưởng lợi từ chính sách, vừa phải tuân thủ quy định và chuẩn mực xã hội. Ngoài ra, bài giảng nên kết hợp các chủ đề về môi trường, năng lượng tái tạo, tăng trưởng xanh. SV phân tích mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, nhận diện các rủi ro tiềm ẩn từ mô hình phát triển không bền vững. Chẳng hạn, GV đưa ra chủ đề “Việt Nam đặt mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào 2050. SV hãy đề xuất giải pháp cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường dựa trên kiến thức LLCT”. Nội dung đổi mới sáng tạo cũng cần được GV lồng ghép vào trong quá trình giảng dạy. GV có thể giới thiệu các mô hình khởi nghiệp sáng tạo, các chương trình nghiên cứu và phát triển công nghệ mới. SV được hướng dẫn liên hệ giữa chính sách khuyến khích sáng tạo và quyền lợi, nghĩa vụ của công dân trong việc tham gia vào quá trình đổi mới.

Thực tiễn tại Đại học Bách khoa Hà Nội cho thấy, việc đổi mới nội dung đào tạo theo hướng gắn lý luận với các vấn đề thực tiễn đã được triển khai tương đối đồng bộ trong những năm gần đây. Nhà trường chú trọng lồng ghép các nội dung về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội vào chương trình đào tạo, trong đó các học phần thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn, bao gồm LLCT được cập nhật theo hướng tăng cường tính thực tiễn. Thông qua đó, SV được khuyến khích vận dụng kiến thức lý luận để phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội đương đại, từ đó nâng cao nhận thức về vai trò của tri thức khoa học và chính sách trong phát triển đất nước.

2.2.2. Kết nối nội dung lý luận chính trị với các vấn đề nghề nghiệp của sinh viên

Để tạo tính ứng dụng thực tiễn cần liên kết kiến thức LLCT với các kỹ năng, nghề nghiệp và lĩnh vực chuyên môn của SV như ngành Kinh tế, Quản trị; ngành Công nghệ thông tin hay ngành Giáo dục. Đối với ngành Kinh tế, Quản trị, GV giảng dạy môn Kinh tế chính trị hướng dẫn SV nhận diện các chính sách kinh tế vĩ mô, quản lý doanh nghiệp, vai trò Nhà nước trong ổn định thị trường, từ đó áp dụng vào quản trị dự án, lập kế hoạch kinh doanh hay nghiên cứu thị trường. Đối với ngành Công nghệ thông tin, SV được yêu cầu phân tích vai trò của các chính sách về chuyển đổi số, dữ liệu mở và an ninh mạng, từ đó đề xuất giải pháp bảo mật thông tin hoặc triển khai sản phẩm công nghệ phù hợp với định hướng phát triển quốc gia. Đối với ngành Giáo dục, GV kết nối với chính sách giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, giúp SV nhận ra trách nhiệm công dân trong việc tham gia đổi mới giáo dục, ứng dụng công nghệ số vào giảng dạy. Để thực hiện được sự kết nối này, GV cần tổ chức tình huống mô phỏng nghề nghiệp rồi yêu cầu SV đưa ra quyết định dựa trên kiến thức LLCT. Ngoài ra, GV cần kết hợp với thảo luận trực tuyến/ngoại khóa để SV có khả năng phân tích các dự án thực tế liên quan đến lĩnh vực chuyên môn hoặc GV cũng đặt ra những câu hỏi gợi mở như “Nếu bạn là nhà quản lý trong doanh nghiệp số, bạn sẽ áp dụng chính sách nào để cân bằng giữa lợi nhuận và phát triển bền vững?”. Với việc thực tiễn hóa nội dung giảng dạy như trên, sẽ góp phần nâng cao ý chí, khát vọng vươn lên của SV trong bối cảnh thời đại số hiện nay.

2.2.3. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm là một giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả giáo dục đại học, đồng thời khơi dậy và phát triển khát vọng của SV trong học tập và nghề nghiệp. Thay vì tiếp nhận kiến thức một cách thụ động, SV trở thành trung tâm của quá trình học tập, chủ động tìm kiếm thông tin, phân tích và áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Việc ứng dụng công nghệ số như LMS, học liệu số, video tương tác hay H5P tạo ra môi trường học tập linh hoạt và cá nhân hóa, giúp SV tự quản lý tiến trình học tập, đồng thời trải nghiệm các hình thức học đa dạng, hấp dẫn. Khi SV thấy được khả năng tự học và làm chủ kiến thức, họ sẽ hình thành động lực và khát vọng phát triển bản thân. Bên cạnh đó, việc tăng cường các phương pháp phát triển tư duy như tranh luận, phân tích tình huống và học theo dự án giúp SV rèn luyện khả năng lập luận logic, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Khi được tiếp xúc với các tình huống thực tiễn và dự án gắn với lĩnh vực chuyên môn, SV nhận thấy rõ khả năng tác động của kiến thức vào đời sống và nghề nghiệp tương lai, từ đó khơi dậy ý chí phát triển và định hướng mục tiêu cá nhân. Ngoài ra, GV thực hiện tổ chức diễn đàn phản biện trực tuyến để cung cấp không gian SV trình bày quan điểm, tranh luận và tự rút ra kết luận độc lập. Hoạt động này không chỉ rèn luyện tư duy độc lập mà còn giúp SV nhận ra giá trị của việc tự chủ trong học tập và quyết định nghề nghiệp. Khi SV có cơ hội thể hiện và bảo vệ quan điểm của mình, họ hình thành niềm tin vào khả năng của bản thân, từ đó phát triển khát vọng vươn lên, đóng góp cho xã hội và nghề nghiệp.

Như vậy, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm, kết hợp công nghệ số, tư duy phản biện và trải nghiệm thực tiễn vừa nâng cao chất lượng học tập, vừa khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển cho SV trong thời đại số hiện nay.

Gắn với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, Đại học Bách khoa Hà Nội đã triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến và mô hình dạy học kết hợp nhằm tăng cường tính chủ động của người học. Các học phần được tổ chức theo hướng đa dạng hóa hình thức học tập như thảo luận nhóm, phân tích tình huống, học theo dự án và trao đổi học thuật trực tuyến. Thực tế, việc ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy đã góp phần nâng cao mức độ tham gia của SV, khuyến khích tư duy phản biện và khả năng tự học - những năng lực cốt lõi mà giáo dục đại học trong thời đại số hướng tới.

2.2.4. Xây dựng môi trường học tập mở và khuyến khích khát vọng phát triển của sinh viên

Trong giáo dục đại học hiện nay, việc xây dựng một môi trường học tập mở không chỉ giúp SV tiếp cận kiến thức một cách linh hoạt mà còn là phương tiện quan trọng để khơi dậy khát vọng phát triển cá nhân. Một môi trường như vậy kết hợp giữa trải nghiệm thực tiễn, định hướng nghề nghiệp và đối thoại về lý tưởng sống, giúp SV hình thành tầm nhìn, năng lực tư duy và ý thức trách nhiệm với xã hội. Trước hết, việc phát triển các dự án cộng đồng và hoạt động trải nghiệm là một phương thức hiệu quả để kết nối kiến thức lý thuyết với thực tiễn. Ví dụ, trong môn LLCT, GV có thể giao cho SV dự án khảo sát mức độ ứng dụng chuyển đổi số tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong địa phương. SV sẽ thành lập nhóm, xây dựng kế hoạch khảo sát, thu thập dữ liệu, phân tích cơ hội và thách thức mà các doanh nghiệp gặp phải, sau đó đề xuất giải pháp cải thiện. Quá trình này không chỉ giúp SV hiểu rõ chính sách và bối cảnh thực tiễn mà còn tạo cơ hội để họ nhận ra vai trò của bản thân trong việc đóng góp kiến thức và giải pháp cho cộng đồng, từ đó khơi dậy khát vọng phát triển và sáng tạo. Bên cạnh đó, khuyến khích SV thể hiện ước mơ, mục tiêu nghề nghiệp và định hướng phát triển bản thân là cách giúp họ định hình tương lai. GV có thể hướng dẫn SV lập kế hoạch phát triển cá nhân, xác định các kỹ năng cần thiết và mục tiêu ngắn hạn, dài hạn. Việc chia sẻ kế hoạch này trong nhóm hoặc diễn đàn lớp học sẽ giúp SV nhận phản hồi, điều chỉnh mục tiêu và cảm thấy có động lực phấn đấu. Ví dụ, một SV ngành Công nghệ thông tin muốn trở thành chuyên gia an ninh mạng có thể xây dựng lộ trình học tập, thực hành các dự án bảo mật và tham gia các cuộc thi lập trình. Khi thấy kế hoạch có thể thực hiện và được hỗ trợ, SV sẽ hình thành khát vọng vươn lên mạnh mẽ. Ngoài ra, tạo không gian để SV đối thoại về lý tưởng, giá trị sống và trách nhiệm công dân giúp hình thành tư duy độc lập và nhân cách toàn diện.

Diễn đàn trực tuyến hoặc buổi đối thoại trực tiếp cho phép SV trình bày quan điểm, tranh luận, phản biện và học hỏi từ các kinh nghiệm thực tiễn. Ví dụ, một buổi đối thoại về “Vai trò của SV trong phát triển bền vững và kinh tế số” có thể mời khách mời là cựu SV, doanh nhân hoặc chuyên gia để chia sẻ kinh nghiệm, từ đó SV liên hệ với định hướng nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của bản thân.

Bên cạnh đổi mới nội dung và phương pháp, Đại học Bách khoa Hà Nội đặc biệt chú trọng xây dựng môi trường học tập mở, tạo điều kiện để SV phát triển toàn diện. Nhà trường thường xuyên tổ chức các diễn đàn học thuật, tọa đàm nghề nghiệp, hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, qua đó giúp SV định hình mục tiêu học tập và nghề nghiệp. Vì thế, tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm của Đại học Bách khoa Hà Nội luôn duy trì ở mức cao, phản ánh hiệu quả của môi trường đào tạo gắn với thực tiễn và nhu cầu xã hội. Những điều kiện đó góp phần nuôi dưỡng động lực học tập, tinh thần trách nhiệm và khát vọng cống hiến của SV phù hợp với mục tiêu khơi dậy khát vọng phát triển mà giảng dạy LLCT hướng tới trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

3. Kết luận

Giảng dạy LLCT giữ vai trò then chốt trong việc hình thành lý tưởng, xây dựng niềm tin và khơi dậy khát vọng phát triển cho SV. Thông qua môn học này, SV không chỉ nắm vững kiến thức chính trị - xã hội mà còn phát triển tư duy phản biện, khả năng phân tích và đánh giá các vấn đề thực tiễn. Việc đổi mới nội dung học tập, gắn kết các vấn đề thời sự như kinh tế số, phát triển bền vững và đổi mới sáng tạo giúp LLCT trở nên gần gũi, thiết thực, đồng thời tạo cơ hội để SV nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của bản thân trong xã hội.

Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm, kết hợp công nghệ số, học liệu tương tác, dự án cộng đồng và diễn đàn phản biện trực tuyến không chỉ nâng cao chất lượng học tập mà còn khơi dậy động lực tự học, niềm tin vào năng lực bản thân và khát vọng vươn lên. Môi trường học tập mở, nơi SV được thể hiện ước mơ, định hướng nghề nghiệp và đối thoại về lý tưởng sống, góp phần hình thành nhân cách toàn diện và tinh thần trách nhiệm công dân.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc tiếp tục nghiên cứu và triển khai các mô hình dạy học số hóa trong LLCT là cần thiết nhằm đánh giá tác động của giáo dục lý tưởng đối với hành vi xã hội của SV. Đồng thời, phát triển khát vọng vươn lên như một năng lực cốt lõi sẽ giúp SV không chỉ học tập hiệu quả mà còn chủ động định hướng sự nghiệp và đóng góp cho cộng đồng. Những định hướng này mở ra cơ hội cho các nghiên cứu tiếp theo về tối ưu hóa phương pháp dạy học, gắn kết lý thuyết và thực tiễn, từ đó nâng cao vai trò chiến lược của giáo dục LLCT trong việc hình thành công dân năng động, sáng tạo và có trách nhiệm xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Biggs John (2011). *Teaching for quality learning at university: What the student does* (4th ed.). McGraw-Hill Education. <https://books.google.com/books?id=K8QpAwAAQBAJ>.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1). NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 109-110.
- [3] Nguyễn Ngọc Hà (2017). *Giáo dục lý tưởng và niềm tin khoa học trong đào tạo sinh viên*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, tháng 4, tr. 23-31.
- [4] Nguyễn Ngọc Hà (2017). *Định hướng lý tưởng và xây dựng niềm tin khoa học cho sinh viên*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2019). *Giáo dục lý tưởng và phát triển động lực học tập của sinh viên*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 52-54.
- [6] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 8, 2000). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 201-202.
- [7] Phạm Minh Hạc (2018). *Khát vọng và động lực phát triển của sinh viên*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr. 35-37.
- [8] Trần Văn Giàu (1997). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và phát triển thanh niên*. NXB Giáo dục, Hà Nội, tr. 87-89.
- [9] Ryan, Richard M., & Deci, Edward L. (2000). *Self-determination theory and the facilitation of intrinsic motivation, social development, and well-being*. *American Psychologist*, 55(1), 68-78. <https://doi.org/10.1037/0003-066X.55.1.68>.